

UBND XÃ BA DINH



**THÔNG KÊ NHU CẦU HỢP ĐỒNG (LĨNH VỰC GIÁO DỤC)**  
(Kèm theo Công văn số **2093** UBND-VHXXH ngày **19/10/2026** của UBND xã Ba Dinh)

Phụ lục 01

| ST<br>T          | Cơ quan, đơn vị                                    | Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao |                                    | Số biên hiện có     |                                    | Số biên chế cần có theo định mức | Số hợp đồng đề xuất |           | Ghi chú (số HDLĐ không vượt quá 70 chênh lệch giữa biên chế giao so với định mức) |
|------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------------|----------------------------------|---------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|                  |                                                    | Hưởng lương từ NSNN                     | Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp | Hưởng lương từ NSNN | Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp |                                  | Giáo viên           | Nhân viên |                                                                                   |
| <b>1</b>         | <b>2</b>                                           | <b>3</b>                                | <b>4</b>                           | <b>5</b>            | <b>6</b>                           | <b>7</b>                         | <b>8</b>            | <b>9</b>  | <b>10</b>                                                                         |
| 1                | Trường Mầm non Ba Dinh                             | 30                                      | 0                                  | 30                  | 0                                  | 28                               | 0                   | 0         |                                                                                   |
| 2                | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Dinh         | 52                                      | 0                                  | 51                  | 0                                  | 54                               | 2                   | 0         | 02 hợp đồng giáo viên, gồm 01 đang hợp đồng và 01 bổ sung.                        |
| 3                | Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Giang | 26                                      | 0                                  | 25                  | 0                                  | 32                               | 1                   | 0         | 01 hợp đồng giáo viên đã thực hiện từ 01/9/2026.                                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                    | <b>108</b>                              | <b>0</b>                           | <b>106</b>          | <b>0</b>                           | <b>114</b>                       | <b>3</b>            | <b>0</b>  |                                                                                   |

ĐỐI CHIẾU QUY MÔ MÀM NON BA DINH

| STT | Lớp       | Thôn theo hồ sơ | 3 tuổi | 4 tuổi | 5 tuổi | Tổng trẻ | Loại lớp        | Căn cứ cần áp dụng                                                                                                          | GV quy đổi (phương án tham khảo) |
|-----|-----------|-----------------|--------|--------|--------|----------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | MG Bé A   | Đồng Dinh       | 27     | 0      | 0      | 27       | Cùng tuổi       | Điểm b, c khoản 1 Điều 5: 2,2 GV cho 25 trẻ; 2 trẻ dư chưa đạt ngưỡng 11 trẻ để thêm 1 GV.                                  | 2,200                            |
| 2   | MG Bé B   | Làng Máng       | 13     | 0      | 0      | 13       | Cùng tuổi       | Điểm c khoản 1 Điều 5: ngưỡng 11 trẻ/giáo viên.                                                                             | 1,182                            |
| 3   | MG Bé C   | Kà La           | 11     | 0      | 0      | 11       | Cùng tuổi       | Điểm c khoản 1 Điều 5: ngưỡng 11 trẻ/giáo viên.                                                                             | 1,000                            |
| 4   | MG Bé D   | Ba Nhà          | 22     | 0      | 0      | 22       | Cùng tuổi       | Điểm c khoản 1 Điều 5: ngưỡng 11 trẻ/giáo viên.                                                                             | 2,000                            |
| 5   | MG Nhỡ A  | Đồng Dinh       | 0      | 16     | 0      | 16       | Cùng tuổi       | Điểm c khoản 1 Điều 5: ngưỡng 14 trẻ/giáo viên.                                                                             | 1,143                            |
| 6   | MG Nhỡ B  | Đồng Dinh       | 0      | 16     | 0      | 16       | Cùng tuổi       | Điểm c khoản 1 Điều 5: ngưỡng 14 trẻ/giáo viên.                                                                             | 1,143                            |
| 7   | MG Nhỡ C  | Ba Nhà          | 7      | 16     | 0      | 23       | Ghép 3-4 tuổi   | Điểm d khoản 1 Điều 5: lớp ghép; không tính như lớp thuần 4 tuổi.                                                           | 2,200                            |
| 8   | MG Lớn A  | Đồng Dinh       | 0      | 0      | 31     | 31       | Cùng tuổi       | Điểm c khoản 1 Điều 5: ngưỡng 16 trẻ/giáo viên.                                                                             | 1,938                            |
| 9   | MG Lớn B  | Làng Máng       | 0      | 6      | 15     | 21       | Ghép 4-5 tuổi   | Điểm d khoản 1 Điều 5: lớp ghép.                                                                                            | 2,200                            |
| 10  | MG Lớn C  | Kà La           | 0      | 7      | 15     | 22       | Ghép 4-5 tuổi   | Điểm d khoản 1 Điều 5: lớp ghép.                                                                                            | 2,200                            |
| 11  | MG Lớn D  | Kách Lang       | 5      | 5      | 12     | 22       | Ghép 3-4-5 tuổi | 02 giáo viên: điểm trường chỉ có 01 lớp, theo điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT; đã xác nhận ngày 18/10/2026. | 2,000                            |
| 12  | MG Lớn E  | Ba Nhà          | 0      | 0      | 14     | 14       | Cùng tuổi       | Điểm c khoản 1 Điều 5: ngưỡng 16 trẻ/giáo viên.                                                                             | 0,875                            |
| 13  | MG Lớn G  | Gò Khôn         | 2      | 1      | 11     | 14       | Ghép 3-4-5 tuổi | 02 giáo viên: điểm trường chỉ có 01 lớp, theo điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT; đã xác nhận ngày 18/10/2026. | 2,000                            |
|     | TỔNG CỘNG |                 | 87     | 67     | 98     | 252      |                 |                                                                                                                             | 22,080                           |

## TÍNH GIÁO VIÊN THEO LỚP VÀ TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI

| Trường, cấp học     | Số lớp | Hệ số | Tổng phụ trách Đội | Trước làm tròn | Sau làm tròn | Ghi chú                           |
|---------------------|--------|-------|--------------------|----------------|--------------|-----------------------------------|
| Ba Dinh - Tiểu học  | 15     | 1,5   | 1                  | 23,5           | 24           | 02 buổi/ngày                      |
| Ba Dinh - THCS      | 10     | 1,9   | 0                  | 19,0           | 19           | Không cộng lập Tổng phụ trách Đội |
| Ba Giang - Tiểu học | 7      | 1,5   | 0                  | 10,5           | 11           | 02 buổi/ngày                      |
| Ba Giang - THCS     | 4      | 2,2   | 1                  | 9,8            | 10           | Trường phổ thông dân tộc bán trú  |

TH&amp;THCS Ba Dinh

43

PTDTBT TH&amp;THCS Ba Giang

21

THỐNG KÊ ĐỊNH MỨC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

| Vị trí / nhóm vị trí                     | MN Ba Đình     | TH&THCS Ba Đình         | PTDTBT TH&THCS Ba Giang | Căn cứ áp dụng                                                                                             |
|------------------------------------------|----------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quy mô làm căn cứ                        | 13 lớp; 6 điểm | 25 lớp; 4 HS khuyết tật | 11 lớp; 1 HS khuyết tật | Hai trường phổ thông thuộc vùng 1; Ba Giang dưới 200 HS hưởng chính sách bán trú.                          |
| Hiệu trưởng                              | 1              | 1                       | 1                       | Khoản 1 Điều 4 TT19/2023; khoản 1 Điều 11 TT20/2023.                                                       |
| Phó hiệu trưởng — tối đa                 | 2              | 2                       | 2                       | Khoản 2 Điều 4 TT19/2023; khoản 2 Điều 11 TT20/2023; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 6 ND299/2026.             |
| I. CỘNG QUẢN LÝ — TỐI ĐA                 | 3              | 3                       | 3                       | Số bổ trí cụ thể do cấp có thẩm quyền quyết định.                                                          |
| Kế toán, văn thư, thủ quỹ, thư viện (MN) | 3              | 0                       | 0                       | Khoản 2 Điều 6 TT19/2023: từ 5 điểm trường bổ trí 3 người cho cả nhóm nhiệm vụ.                            |
| Thiết bị, thí nghiệm                     | 0              | 1                       | 1                       | Khoản 2 Điều 12 TT20/2023.                                                                                 |
| Giáo vụ                                  | 0              | 1                       | 1                       | Điểm b khoản 3 Điều 12 TT20/2023.                                                                          |
| Tư vấn học sinh                          | 0              | 1                       | 1                       | Khoản 4 Điều 12 TT20/2023.                                                                                 |
| Thư viện, quản trị công sở (phổ thông)   | 0              | 2                       | 1                       | Điểm a, b, c khoản 1 Điều 13 TT20/2023: Ba Đình tối đa 2; Ba Giang 1.                                      |
| Văn thư, thủ quỹ, kế toán (phổ thông)    | 0              | 2                       | 2                       | Điểm a khoản 2 Điều 13 TT20/2023: tối đa 2 người cho cả nhóm nhiệm vụ.                                     |
| Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật         | 0              | 1                       | 1                       | Điểm d khoản 5 Điều 2 TT20/2023: mỗi trường liên cấp có dưới 20 HS khuyết tật học hòa nhập bổ trí 1 người. |
| II. CỘNG NHÂN VIÊN THEO ĐỊNH MỨC         | 3              | 8                       | 7                       | Cộng các nhóm từ dòng 9 đến dòng 15; chưa gồm y tế chuyên tiếp.                                            |
| Y tế hiện có thuộc diện chuyên tiếp      | 0              | 0                       | 1                       | Điểm a khoản 3 Điều 20 TT20/2023: Ba Giang có 1 viên chức tuyển trước 15/02/2023.                          |
| III. CỘNG NV, GỒM Y TẾ CHUYÊN TIẾP       | 3              | 8                       | 8                       | Y tế chuyên tiếp là viên chức hiện có được tiếp tục thực hiện chế độ; không phải định mức tuyển mới.       |
| TỔNG QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN                | 6              | 11                      | 11                      | Cộng I + III; chưa gồm giáo viên và hợp đồng hỗ trợ, phục vụ mới.                                          |
| Giáo viên — liên kết bảng tính           | 22             | 43                      | 21                      | Mầm non: phương án tham khảo, chưa chốt. Phổ thông: theo quy ước làm tròn đã thống nhất.                   |
| Tổng toàn trường theo bảng tính          | 28             | 54                      | 32                      | Giữ liên kết với phụ lục tổng hợp. Riêng mầm non chưa chốt định mức chính thức.                            |